

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HS-PT

Ngày: 12 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Hoàn

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Chu Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 227/2025/TLPT-HS ngày 20-10-2025 đối với Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị Kim A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2025/HS-ST ngày 26-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thành T**, sinh ngày 26-10-1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: số 159/30, đường P, khu phố 25, phường C (Phường 3, Quận Q cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số 135A, thôn L, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng; căn cước công dân số 079083038594; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L và bà Ngô Thị Thanh N; có vợ Bui Elizabeth T; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại. Có mặt.

2. **Nguyễn Thị Kim A**, sinh ngày 09-10-1968 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: số 7/3, thôn T, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng; căn cước công

dân số 051168003625; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim L; có chồng Nguyễn H và 03 con; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T:

1. Ông Trần Đình D và ông Nguyễn Đức N, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV ĐP - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 39 N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Ông Ngô Anh T và bà Hoàng Thị H, Luật sư Công ty Luật TNHH A & Cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 18, phố Đ, phường N, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Các bị hại:

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh ngày 26-10-1983; nơi thường trú: số 159/30, đường P, phường C (Phường 3, Quận Q cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số 135A, thôn L, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 09-10-1968; nơi cư trú: số 7/3, thôn T, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. Ông Nguyễn H, sinh năm 1968; nơi cư trú: số 7/3, thôn T, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1938; nơi cư trú: số 7/3, thôn T, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng. Đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Ka P, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn 4, xã Đ, (xã T, huyện D cũ) tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, ông Nguyễn H nhận chuyển nhượng diện tích đất 1.500m² thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ 5B, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng và lập hợp đồng chuyển nhượng viết tay giữa ông Nguyễn H và bà Ka P. Từ năm 2018 ông H cải tạo, trồng mới 232 cây cà phê trên diện tích đất 1.500m², ông H chăm sóc và thu hoạch cà phê trên diện tích đất này đến nay, bà Ka P không có ý kiến gì. Đến năm 2021, bà K chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 16, tờ bản đồ 5B, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng cho ông Nguyễn Thành T, bao gồm cả diện tích đất 1.500m² trồng cây cà phê thuộc một

phần thửa 16, tờ bản đồ 5B, xã B đã bán cho ông H. Bà Ka P thông báo cho T biết về diện tích đất ông H canh tác nhưng T vẫn đồng ý mua. Do vậy giữa ông H và T xảy ra tranh chấp, T chôn cột bê tông, rào dây kẽm gai thì vợ chồng ông H, bà Kim A nhổ cột bê tông và cắt dây kẽm gai, việc này được UBND xã B (UBND xã T cũ) giải quyết vào ngày 10-7-2021, yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng chờ cấp có thẩm quyền giải quyết. Ngoài ra, ông Nguyễn H có đơn khởi kiện, Toà án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng (Toà án nhân dân huyện D cũ) thụ lý vụ án số 68/2021/TLST-DS ngày 21-5-2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”, ngày 14-7-2021 T thuê người cưa 232 cây cà phê trong khu vực đất đang tranh chấp, ngày 08-7-2021 T tiến hành dựng hàng rào dây kẽm gai xung quanh thửa 16, tờ bản đồ 5B, xã B.

Ngày 10-7-2021, ông H và Kim A cắt dây kẽm gai của phần hàng rào ở khu vực đất đang tranh chấp giữa T và ông Nguyễn H. Công an xã B (Công an xã T cũ) đến hiện trường, ghi nhận sự việc và ghi nhận thiệt hại là một phần hàng rào dây kẽm gai bị cắt nằm tại chỗ.

Ngày 08-9-2021 xảy ra sự việc Kim A và bà Nguyễn Thị Kim L nhổ cây sầu riêng ghép do T trồng ngày 06-9-2021 tại khu vực đất tranh chấp. Công an xã B đến hiện trường, ghi nhận sự việc và xác định thiệt hại 32 cây sầu riêng ghép đã bị nhổ và bẻ gãy.

Ngày 10-11-2022, ông H làm đơn tố cáo T đối với hành vi cưa bỏ gây thiệt hại 232 cây cà phê của ông Nguyễn H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 979/KL-HĐĐG ngày 20-12-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận: giá trị tài sản thiệt hại của 232 cây cà phê loại xanh lùn trồng vào năm 2018 vào thời điểm tháng 7-2021: $232 \text{ cây} \times 152.000 \text{ đồng} = 35.264.000 \text{ đồng}$.

Tại Kết luận định giá tài sản số 971/KL-HĐĐG ngày 16-12-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận: giá trị tài sản thiệt hại của 32 cây sầu riêng ghép Ri6 trồng ngày 06-9-2021 tại thời điểm tháng 9-2021: $32 \text{ cây} \times 312.000 \text{ đồng} = 9.984.000 \text{ đồng}$.

Đối với thiệt hại về hàng rào dây kẽm gai, tiếp tục không có cơ sở định giá tài sản thiệt hại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 09-01-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận: giá trị tài sản thiệt hại của 10 cây trụ bê tông bị kéo nhổ lên khỏi mặt đất 1.600.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐG ngày 07-01-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận: giá trị tài sản thiệt hại của hàng rào dây kẽm gai 780.000 đồng.

Tại Công văn số 314/HĐ ĐGTS ngày 14-02-2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng không có cơ sở thực hiện định giá lại tài sản theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Ngày 11-10-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra ban hành Công văn số 489/CV-ĐTTH đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D xem xét lại kết quả định giá đối với 10 trụ bê tông, hàng rào dây kẽm gai. Ngày 15-11-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra nhận được Công văn số 829/KL-HĐĐG ngày 16-10-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Di Linh với nội dung: trụ bê tông 10 x 10 x 197cm có giá trị 159.000 đồng; trụ bê tông 10 x 10 x 199 cm có giá trị 159.700 đồng; trụ bê tông 10 x 8,5 x 195cm có giá trị 148.800 đồng; 07 trụ bê tông không rõ đặc điểm kinh tế kỹ thuật nên không đủ cơ sở tiến hành định giá, tổng giá trị 467.500 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 36/KL-KTHS ngày 10-02-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết ghi họ tên Ka P dưới mục “*Người sang nhượng đất*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Ka P trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký và viết ra hay không; Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Ka Ph và chữ ký, chữ viết ghi họ tên Ka H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Ka H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải do cùng một người ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định số 1742/KL-KTHS ngày 20-5-2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an kết luận: 1. Chữ viết “*Con Ka H*”, chữ ký dưới chữ viết “*Con Ka H*” trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký dùng làm mẫu so sánh đúng tên Ka H trên tài liệu ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết, ký ra; 2. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ ký dưới mục “*Người sang nhượng đất*” trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký dùng làm mẫu so sánh đúng tên Ka P trên các tài liệu ký hiệu M1, M2 là do cùng hay không phải do cùng một người viết, ký ra.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị Kim A khai nhận hành vi phạm tội. Nguyễn Thành T khai nhận: ngày 31-12-2020, bà Ka P lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa 16, tờ bản đồ 5B, xã T, diện tích 4.965m² nói trên cho

Nguyễn Thành T. Sau khi nhận chuyển nhượng, T tiến hành đóng cọc và rào dây kẽm gai toàn bộ diện tích đất nói trên. Đầu tháng 7-2021, vợ chồng ông Nguyễn H nhiều lần cắt phá hàng rào dây kẽm gai do T dựng lên nên T mời chính quyền đến làm việc và ghi nhận sự việc. Quá trình làm việc với cơ quan chức năng, ông H xác định cây cà phê trồng trên diện tích 1500m² trên là của ông H, tuy nhiên T không đồng ý vì ông H không đưa ra giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh, T thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất trên. Ngày 14-7-2021, T thuê người cưa hạ toàn bộ 232 cây cà phê của ông H với mục đích chuyển đổi cây trồng sang cây sầu riêng. T nhận thức hành vi của mình là không vi phạm vì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất trên nên có toàn quyền quyết định đối với tài sản, cây trồng trên đất. Đến ngày 06-9-2021, T tiến hành trồng 32 cây sầu riêng tại vị trí đất trên thì bị Kim A và bà Kim L nhỏ và bẻ gãy vào ngày 08-9-2021.

Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2025/HS-ST ngày 06-8-2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng, xử.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị Kim A phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Thành T 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Thị Kim A 06 tháng tù.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29-8-2025, bị cáo Nguyễn Thị Kim A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, áp dụng hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ hoặc xin hưởng án treo.

Ngày 08-9-2025, bị cáo Nguyễn Thành T kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Thị Kim A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thành T giữ nguyên kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ

thẩm vì không biết tài sản của ông H, bà Kim A đang tranh chấp và đề nghị tạm đình chỉ vụ án vì chưa giải quyết quyền lợi của bị cáo trong vụ án dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim A là có căn cứ nên chấp nhận, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T: bị cáo biết được tài sản của ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị Kim A đang có tranh chấp nên việc điều tra, truy tố, xét xử bị cáo về tội “*Hủy hoại tài sản*” là có căn cứ; bị cáo kháng cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T trình bày: cáo buộc bị cáo T phạm tội như cáo trạng đã truy tố và nhận định như Bản án sơ thẩm là chưa đủ căn cứ và căn cứ để buộc tội bị cáo T cho rằng đã biết tài sản của ông H, bà Kim A là thông báo thụ lý vụ án số 68/TB-TLVA ngày 21-5-2021 và biên bản làm việc của UBND xã T ngày 10-7-2021, không khẳng định bị cáo T biết đây là tài sản của ông H, bà Kim A vì tài sản do bà Ka P đã giao tài trên quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bị cáo và hành vi hủy hoại phải là lỗi cố ý, do bị cáo không biết dẫn đến việc cưa, nhổ 232 cây cà phê nhằm mục đích thay đổi cây trồng là tài sản do mình nhận chuyển nhượng và vi phạm tố tụng có dấu hiệu bỏ ra khỏi hồ sơ vụ án khoảng 80 bút lục; việc định giá tài sản bị hủy hoại chưa có cơ sở vì không xác định số lượng chủng loại cây cà phê mà bị cáo T đã cưa, nhổ và giá trị các trụ bê tông của ông T làm sau khi nhận đất từ bà Ka P. Do đó, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị Kim A trong hạn luật định nên kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Kim A và lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thành T, và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ để Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Vào năm 2018, ông Nguyễn H nhận chuyển nhượng diện tích đất 1.500m² thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ 5B, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng bằng viết tay giữa ông Nguyễn H và bà Ka P. Sau đó, ông H cải tạo trồng mới 232 cây cà phê, chăm sóc và đang cho thu hoạch. Ngày 31-12-2020, bà Ka P tiếp tục chuyển nhượng đất cho Nguyễn Thành T bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông T đã được cập nhật thay đổi trang IV ngày 21-01-2021 và T đã làm hàng rào bằng trụ bê tông, dây kẽm gai trên phần đất chuyển nhượng trong đó có phần đất của ông H, bà Kim A nhận chuyển nhượng trước đó. Đến ngày 10-7-2021, ông H và Kim A cắt dây kẽm gai phần hàng rào của T.

Ngày 10-7-2021, Công an xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng tiến hành lập biên bản vụ việc có sự tham gia của Nguyễn Thành T, ông Nguyễn H và chính quyền địa phương thể hiện: “... *Nay chúng tôi có mặt tại khu vực đất xảy ra tranh chấp ghi nhận toàn bộ sự việc và yêu cầu các bên liên quan dừng tất cả các việc liên quan đến mảnh đất trên để không xảy ra mất an ninh trật tự tại địa phương, chờ đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật ...* ” biên bản này có chữ ký của T và ông H.

Ngày 14-7-2021, T thuê người cưa 232 cây cà phê trong khu vực đất đang tranh chấp. Ngày 06-9-2021, T đã tiến hành trồng 32 cây sầu riêng ghép loại Ri6. Ngày 08-9-2021, bà Kim A và bà Nguyễn Thị Kim L nhổ và bẻ gãy 32 cây sầu riêng ghép này.

Đối với hành vi của bị cáo T nhổ bỏ 232 cây cà phê: tại thời điểm chuyển nhượng phần diện tích đất này đang do ông H, bà Kim A quản lý, sử dụng, trồng cà phê. Bị cáo biết có việc tranh chấp theo thông báo thụ lý vụ án số 68/TB-TLVA ngày 21-5-2021 về việc tranh chấp hợp đồng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn H và bà Ka P; bị cáo là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Khi bị cáo tiến hành rào phần đất nhận chuyển nhượng thì đã có sự tranh chấp với ông H, bà Kim A về phần diện tích này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ka P xác định toàn bộ 232 cây cà phê do ông H, bà Kim A trồng, bà đưa 200.000.000 đồng để chuộc lại tài sản là quyền sử dụng đất để giao cho T nhưng ông H, bà Kim A không đồng ý và bà Ka P đã thông báo cho bị cáo T biết. Như vậy, có cơ sở khẳng định bị cáo T biết tại thời điểm nhận chuyển nhượng và khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu các bên dừng tất cả việc liên quan đến khu vực đất tranh chấp ngày 10-7-2021 nhưng đến ngày 14-7-2021, bị cáo có hành vi nhổ 232 cây cà phê do ông H, bà Kim A trồng năm 2018. Theo Kết luận định giá tài sản số 979/KL-HĐĐG ngày 20-12-2022 giá

trị tài sản bị cáo T hủy hoại 35.264.000 đồng.

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim A: sau khi T cưa, nhổ 232 cây cà phê của ông H, bà Kim A. Ngày 06-9-2021, T đã trồng 32 cây sầu riêng ghép Ri6. Ngày 08-9-2021, bà Kim A và bà Nguyễn Thị Kim L nhổ và bẻ gãy 32 cây sầu riêng ghép do T trồng tại khu vực đất tranh chấp. Công an xã B đến hiện trường, ghi nhận sự việc và xác định thiệt hại là cây sầu riêng ghép đã bị nhổ, bị cáo Kim A thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Theo các Kết luận số 971/KL-HĐĐG ngày 16-12-2022 và số 14/KL-HĐ ĐG ngày 09-01-2023 giá trị tài sản bị cáo Kim A hủy hoại 11.251.500 đồng.

Tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị cáo T cho rằng bị cáo T không biết đó là tài sản của ông H, bà Kim A nhưng không đưa ra thêm tài liệu mới nào so với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Đối với yêu cầu triệu tập hội đồng định giá để làm rõ giá trị tài sản bị hủy hoại và điều tra viên có việc không đưa khoảng 80 bút lục vào trong hồ sơ. Xét các nội dung này được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện trong quá trình xét xử nên không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu này.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thành T, bị cáo Nguyễn Thị Kim A về tội hủy hoại tài sản là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Nguyễn Thị Kim A phạm tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị Kim A:

[3.1] Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, áp dụng hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ hoặc xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Kim A, nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tự nguyện bồi thường theo biên lai thu tiền ngày 03-9-2025 khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi bị cáo đã gây ra. Xét bị cáo Kim A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo, bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kim A.

[3.2] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật nhận thấy: mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 01 năm tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo; quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T.

[4] Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim A;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2025/HS-ST ngày 26-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim A.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Nguyễn Thị Kim A phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Thành T 01 (*một*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Thị Kim A 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (*một*) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 12-01-2026).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim A cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách

nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Kim A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự; trong thời gian thử thách cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I - TANDTC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng GDKT, TTr & THA;
- TAND khu vực 4 - Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4 - Lâm Đồng;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THAHS khu vực 4 - Lâm Đồng;
- Phòng PV08 - Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tâm